Nửa Thế Kỷ Chánh Tả Việt Ngữ

Nguyễn Hiến Lê

Cách đây non nửa thế kỷ, giữa một niên khóa, ba tôi xin cho tôi vào lớp năm (lớp Dự bị: Cours préparatoire) trường tiểu học Pháp - Việt Yên Phụ (Hà Nội). Mấy buổi đầu tôi còn bỡ ngỡ thì một hôm thầy học chúng tôi hỏi một anh bạn tôi:

– Pourquoi étiez-vous absent hier?

Anh bạn đó đáp:

– Parce que je suis malade.

Thầy chúng tôi cau mày la:

– Non, vous n'êtes plus malade! (1)

Tôi ngơ ngác chẳng hiểu gì cả, mà các bạn tôi cũng vậy. Cả lớp tái mặt, im phăng phắc. Đau thì đáp "Je suis malade", đúng như vậy mà sao thầy còn rầy? Hay thầy ngờ anh ấy không đau mà nói dối. Thầy chúng tôi phải giảng mấy phút chúng tôi mới hiểu rằng phải dùng một "thì" đã qua, "thì imparfait": Parce que j'***étais*** malade. Rõ rắc rối! Ai ngờ đâu được chuyện ấy. Việt ngữ làm gì có "thì". Buổi đó tôi sợ quá, chỉ lo theo không nổi, về nhà phải đòn chết.

Tôi kể lại chuyện ấy chỉ để cho các bạn trẻ thấy hồi xưa chúng tôi bị nhồi Pháp ngữ ra sao. Mới lớp năm đã như vậy thì dĩ nhiên không được luyện Việt ngữ rồi. Việt ngữ là một môn rất phụ. Ở ba lớp sơ học: Đồng ấu (Enfantin), Dự bị (Préparatoire), và Sơ đẳng (Elémentaire), mỗi tuần chỉ được ba bốn giờ Việt ngữ mà hồi ấy gọi là "Annamite": một hai giờ tập đọc (lecture annamite), một giờ ám tả (dictée annamite), một giờ học thuộc lòng (récitation annamite). Giờ ám tả Pháp ngữ đáng sợ ra sao thì giờ ám tả Việt ngữ "khỏe" bấy nhiêu. Thầy đọc một bài dăm sáu hàng cho chúng tôi viết, viết xong thì ngồi chơi trong khi thầy đi từng bàn sửa từng tập một, đánh lỗi, cho điểm rồi chúng tôi kêu điểm để thầy ghi vào sổ. Thường thường, dở tệ gì cũng được điểm trên trung bình. Lên lớp trên, bài dài, thầy sửa không kịp mới để chúng tôi đổi tập sửa cho nhau. Nhưng thầy không hề giảng giải gì cả. Có lẽ chính thầy cũng không hiểu tại sao tru là giết phải viết là tr, chu là khắp phải viết ch, xiên xẹo phải viết x, và siêng phải viết s, vân vân…

Thầy cũng ít khi rầy chúng tôi khi viết sai, không dặn chúng tôi coi chừng những tiếng thường dùng và viết thường lầm… Vì cả thầy lẫn trò đều cho môn chánh tả Việt ngữ là không quan trọng (thi tiểu học không có bài Dictée annamite), ngay Việt ngữ cũng không quan trọng vì nó không được dùng làm chuyển ngữ (các môn Sử, Địa, Khoa học, Toán đều dạy bằng Pháp ngữ). Chương trình như vậy thì ai cũng dạy tắc trách như vậy hết. Tóm lại, chúng tôi chỉ có giờ ám tả Việt ngữ, chứ không được học chánh tả Việt ngữ – học một cách có hệ thống như học chánh tả Pháp ngữ. Hình như lên tới lớp Nhì nhất, không có giờ ám tả Việt ngữ nữa, điều đó tôi không nhớ rõ; nhưng chắc chắn là lên Cao đẳng tiểu học và Trung học thì mỗi tuần chúng tôi chỉ còn hai giờ… Lên Cao đẳng tiểu học và Trung học thì mỗi tuần chúng tôi chỉ còn hai giờ Việt ngữ. Giờ thứ nhất học Tập làm văn (Việt văn), giờ thứ hai học Lịch sử văn học (vài tác gia Việt Nam từ thời Nguyễn trở về trước). Tuyệt nhiên không có giờ Chánh tả hay Ngữ pháp.

Sở dĩ có tình trạng đó là vì các nhà làm chính sách giáo dục thời Pháp thuộc quan niệm rằng: tiếng Việt là tiếng mẹ đẻ của học sinh, nói được thì tự nhiên viết được, không cần phải dạy chánh tả rắc rối như tiếng Pháp. Họ không ngờ rằng tiếng Việt tuy hệ thống ngữ âm đơn giản hơn tiếng Pháp, nhưng lại có những khó khăn riêng về phương ngữ (tiếng nói từng miền), về các phụ âm đầu (ch/tr, s/x, r/d/gi), phụ âm cuối (n/ng, c/t), và nhất là hệ thống dấu hỏi / dấu ngã.

Những chật vật của thế hệ cầm bút đầu tiên

Thế hệ chúng tôi – những người cầm bút từ những năm 1930 - 1940 – hầu hết đều phải "tự học" chánh tả Việt ngữ thông qua kinh nghiệm đọc sách báo và tự chỉnh sửa. Hồi mới bắt đầu viết lách, không ít người trong chúng tôi đã lúng túng trước những từ ngữ rất thông dụng. Viết trung thành hay chung thành? Sơ xuất hay sơ suất? Xung quanh hay chung quanh? Dành giụm, giành giụm hay dành dụm? Lại thêm sự khác biệt giọng nói giữa miền Bắc và miền Nam càng làm cho vấn đề chánh tả thêm phức tạp:

- Người miền Bắc hay nhầm lẫn giữa các phụ âm đầu (ch với tr, s với x, r với d và gi), nhưng lại phân biệt rất rõ dấu hỏi và dấu ngã, cũng như các phụ âm cuối.

- Người miền Nam phân biệt rất tốt các phụ âm đầu (tr ra tr, r ra r, v ra v), nhưng lại thường lẫn lộn dấu hỏi với dấu ngã, và các phụ âm cuối như n với ng (bàn thành bàng), c với t (mắt thành mắc).

Nếu không có những cuốn từ điển hay các bài khảo cứu chánh tả của các bậc tiên phong như Huỳnh Tịnh Của, Trần Trọng Kim, Bùi Kỷ, Lê Ngọc Trụ... thì sự rối rắm trong văn tự còn kéo dài đến chừng nào.

Nhìn lại chặng đường nửa thế kỷ

Xuyên suốt nửa thế kỷ qua, từ chỗ bị coi là một môn học phụ phụ thuộc vào chương trình Pháp giáo, chánh tả Việt ngữ đã từng bước khẳng định vị trí quan trọng trong việc giữ gìn sự sáng tỏ và trong sáng của tiếng Việt. Chánh tả không đơn thuần là những quy tắc khô khan, mà nó phản ánh lịch sử phát triển của tri thức và ý thức dân tộc. Một quốc gia muốn có một nền văn học mạnh, một hệ thống giáo dục hoàn chỉnh thì trước hết văn tự phải có quy chuẩn rõ ràng, thống nhất để mọi người cùng theo đúng.

Việc rèn luyện chánh tả cho thế hệ trẻ – không chỉ ở bậc Tiểu học mà lên đến Trung học và Đại học – vẫn là một nhiệm vụ cấp thiết. Viết đúng chánh tả chính là thể hiện sự tôn trọng đối với người đọc, và xa hơn nữa, là sự tôn trọng đối với tiếng nói, chữ viết của tổ tiên.

Nguyễn Hiến Lê